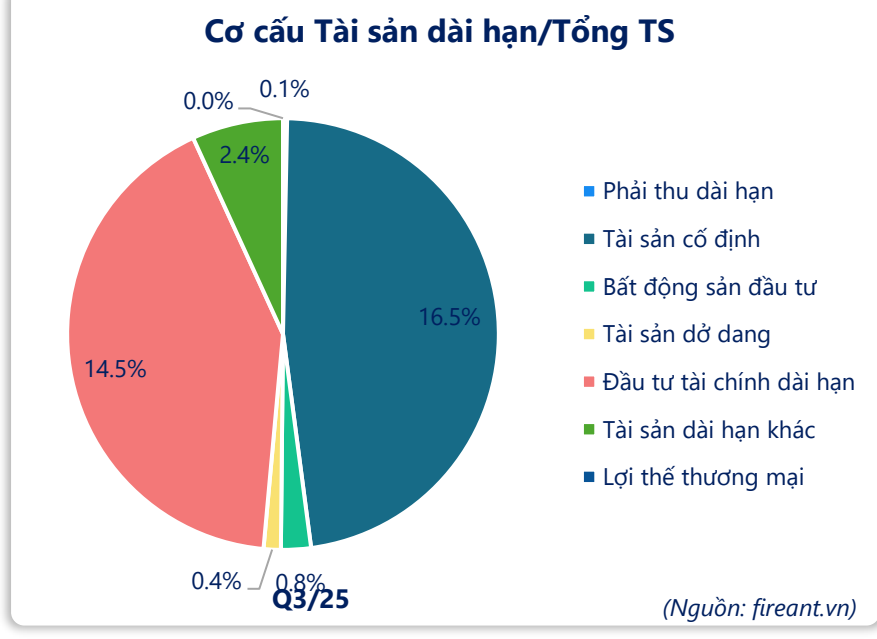
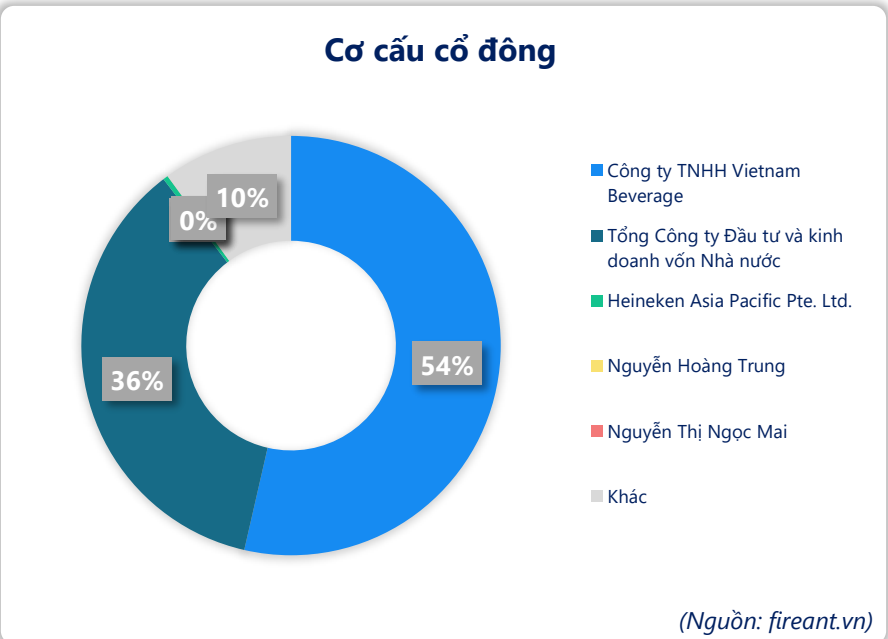
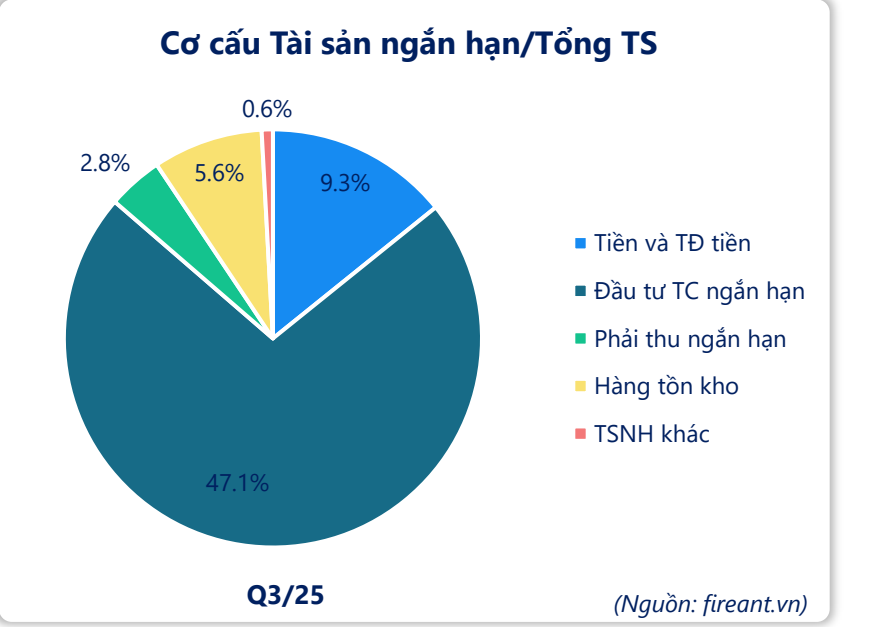
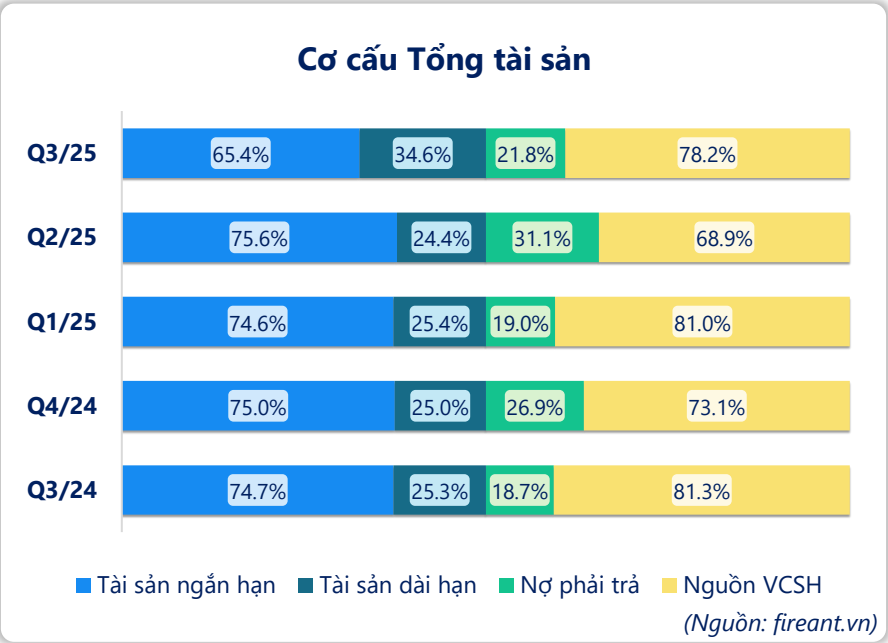
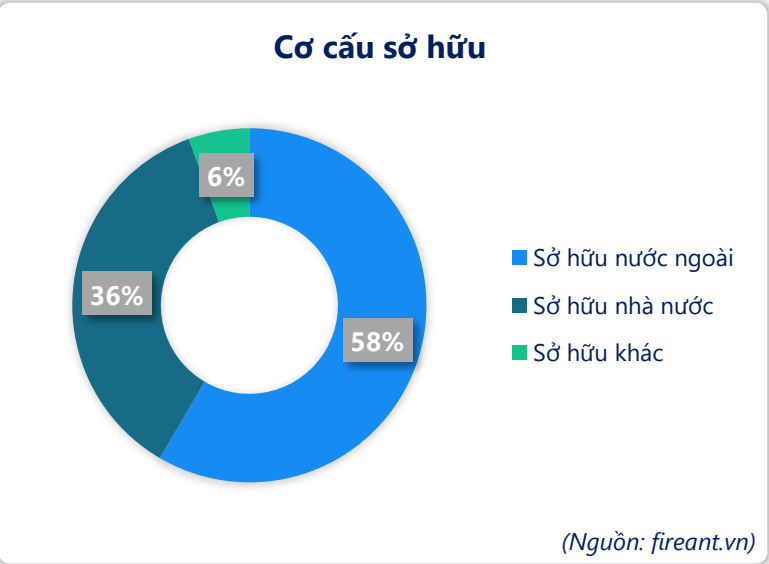
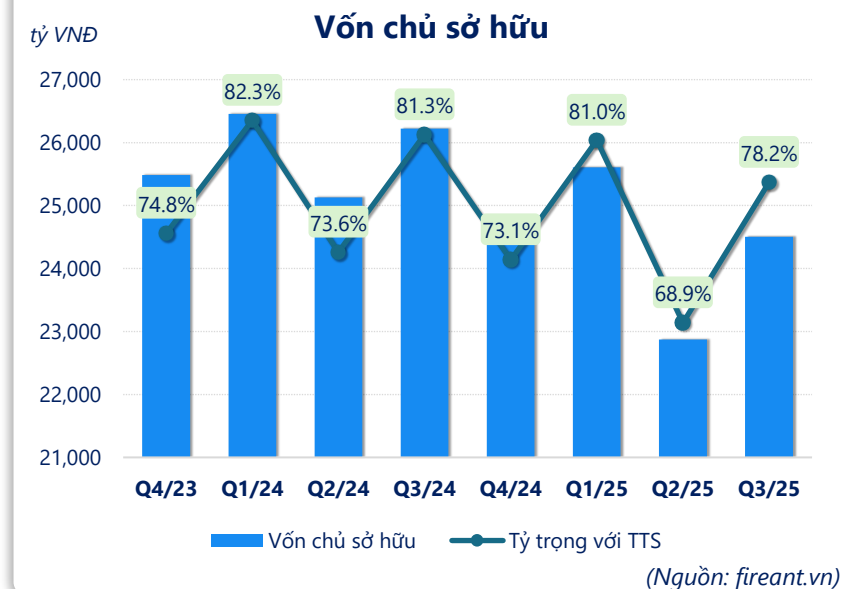
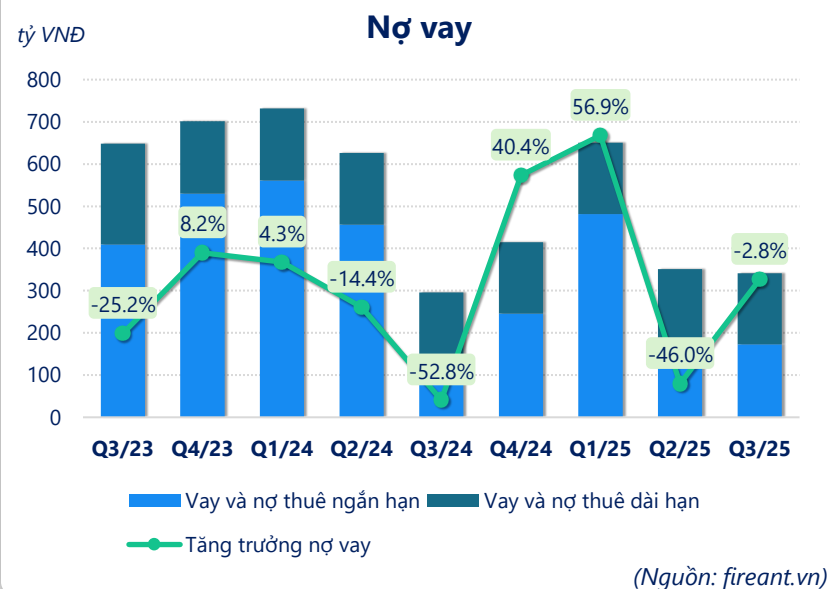
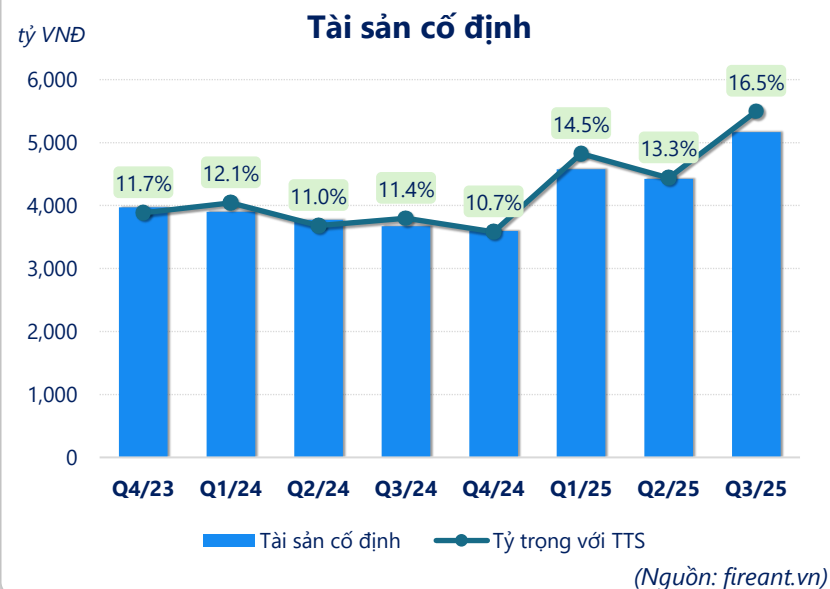
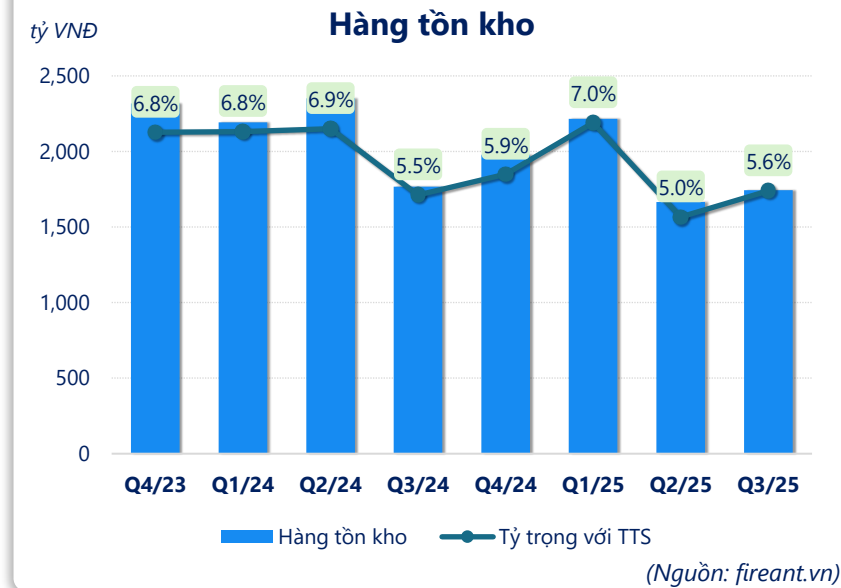
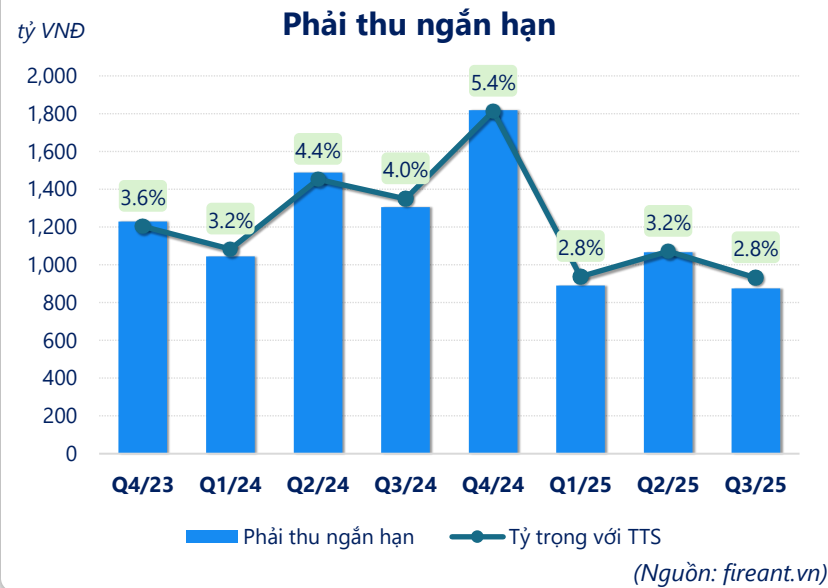
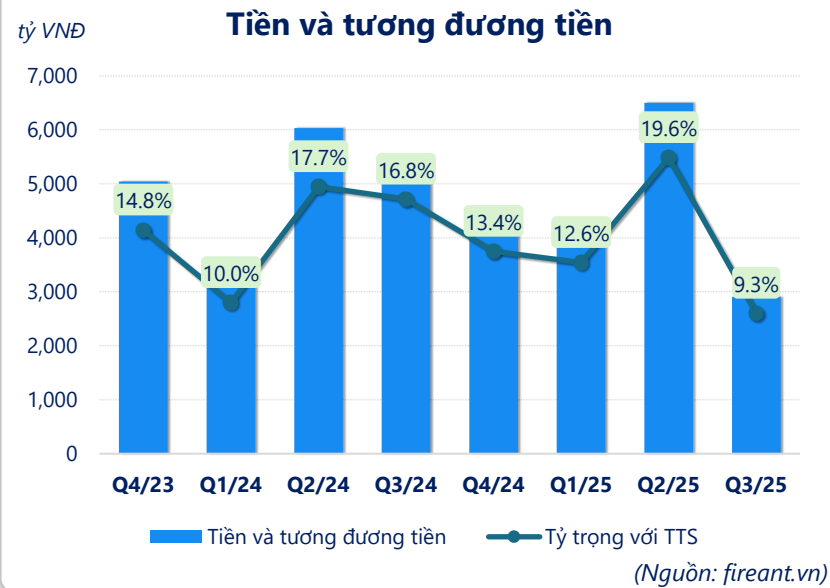
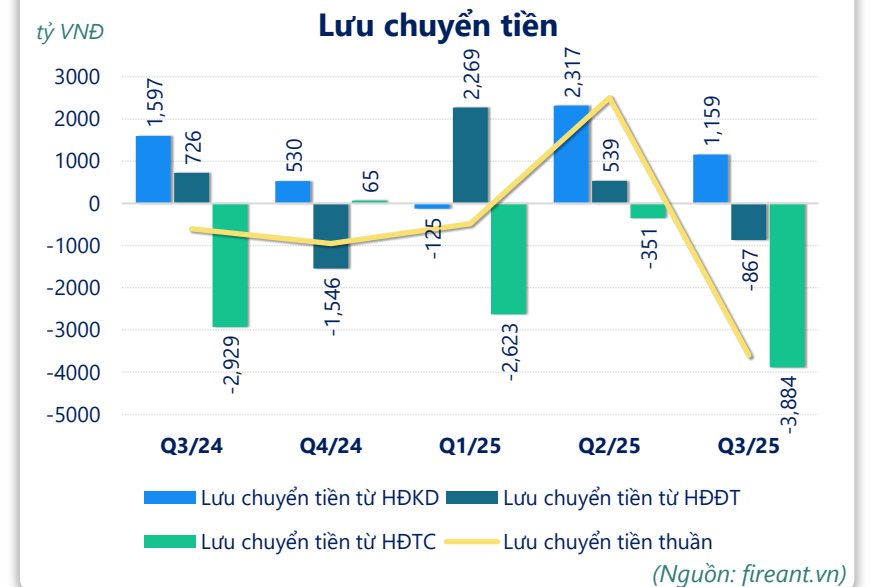
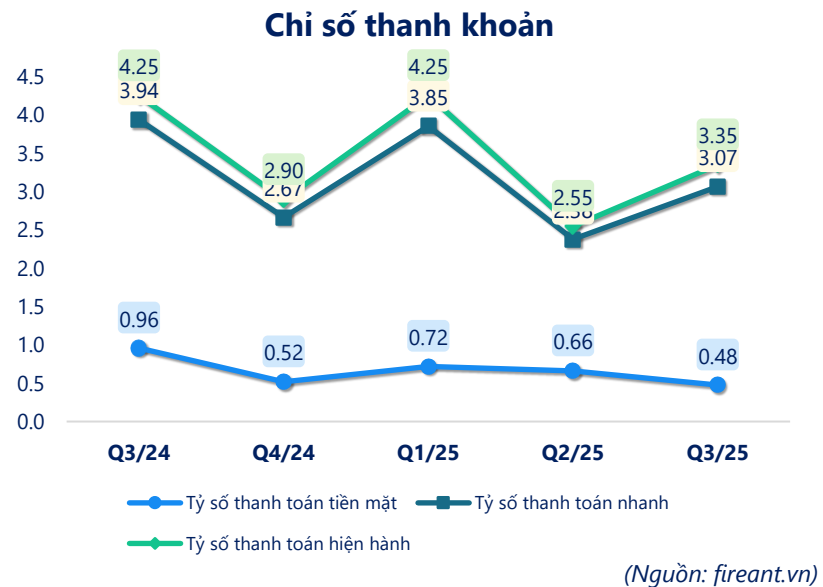
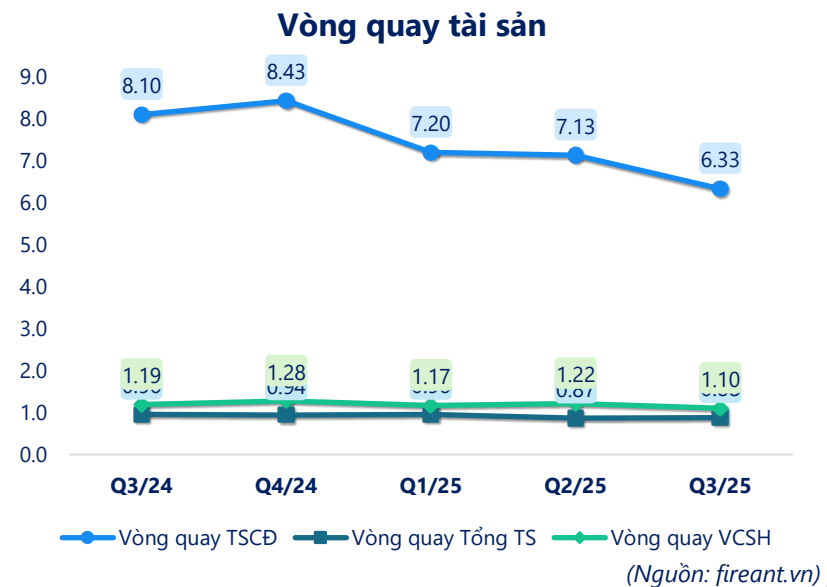
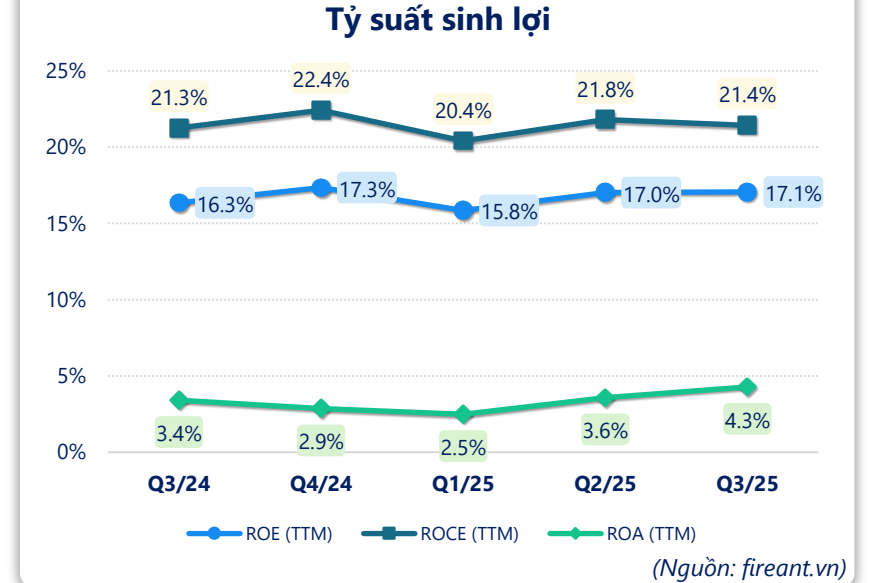
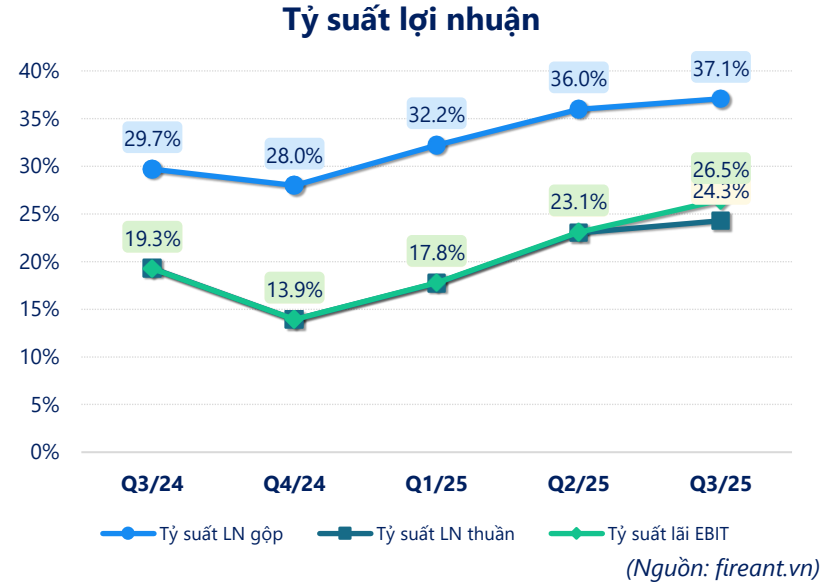
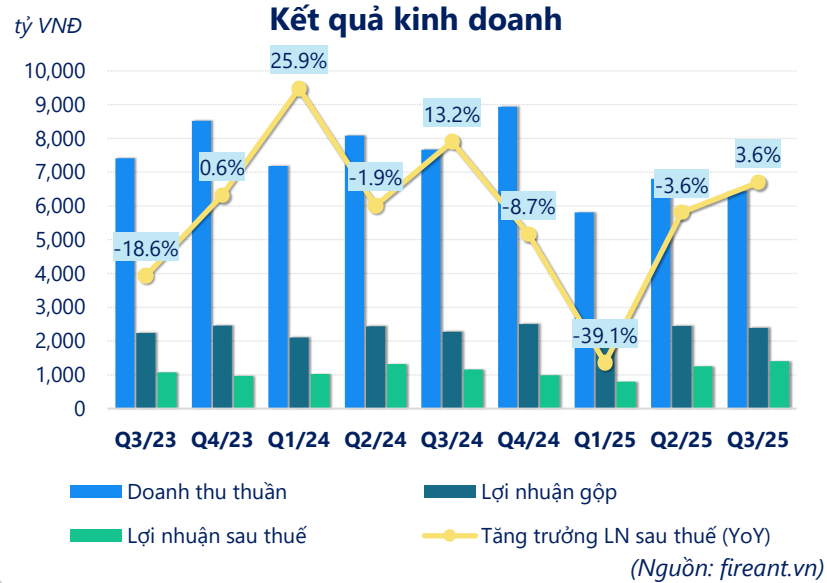


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		45,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		52,774
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		40,074
SL cổ phiếu LH		1,282,562,372
KLGD BQ 20 phiên (CP)		980,950
% sở hữu nước ngoài		58.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		57,972
P/E		13.4
EPS		3,373

	YTD	1T	3T	6T
SAB	-13.6%	-2.5%	-2.3%	-2.6%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	31,335	33,439	-6.3%
Tài sản ngắn hạn	20,479	25,067	-18.3%
Tiền và tương đương tiền	2,910	4,478	-35.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14,772	16,566	-10.8%
Phải thu ngắn hạn	875	1,818	-51.9%
Hàng tồn kho	1,744	1,979	-11.9%
Tài sản ngắn hạn khác	177	226	-21.6%
Tài sản dài hạn	10,855	8,373	29.7%
Phải thu dài hạn	33.4	34.0	-1.5%
Tài sản cố định	5,168	3,593	43.8%
Bất động sản đầu tư	243	268	-9.3%
Tài sản dở dang	140	122	14.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	4,529	3,673	23.3%
Tài sản dài hạn khác	742	683	8.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	6,832	9,002	-24.1%
Nợ ngắn hạn	6,112	8,657	-29.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	173	245	-29.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,452	2,642	-45.0%
Nợ dài hạn	720	345	109%
Vay và nợ thuê dài hạn	168	169	-0.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	24,503	24,437	0.3%
Vốn chủ sở hữu	24,503	24,437	0.3%
Vốn điều lệ	12,826	12,826	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	7,670	8,933	5,811	6,804	6,437
Giá vốn hàng bán	5,392	6,433	3,939	4,356	4,050
Lợi nhuận gộp	2,278	2,499	1,872	2,448	2,386
Doanh thu HĐTC	254	268	243	255	252
Chi phí TC	12.5	-4.49	91.1	15.1	-78.2
Chi phí lãi vay	6.17	4.88	10.9	8.77	7.30
LN trong công ty LKLD	50.9	130	52.9	33.7	61.3
Chi phí bán hàng	868	1,429	799	916	981
Chi phí QLDN	224	230	247	239	233
LN thuần từ HĐKD	1,478	1,243	1,031	1,566	1,563
Lợi nhuận khác	-6.77	-3.93	-8.62	-4.66	133
LN trước thuế	1,471	1,239	1,022	1,562	1,696
Lợi nhuận sau thuế	1,161	991	800	1,251	1,404
LNST của CĐ cty mẹ	1,119	965	793	1,207	1,361

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,597	530	-125	2,317	1,159
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	726	-1,546	2,269	539	-867
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2,929	64.6	-2,623	-351	-3,884
Tiền đầu kỳ	6,034	5,428	4,478	3,998	6,503
Lưu chuyển tiền thuần	-606	-951	-479	2,505	-3,592
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.06	0.02	0.00	0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	5,428	4,478	3,998	6,503	2,910

(Nguồn: fireant.vn)